

PHỤ LỤC 01
SỬA ĐỔI, BÃI BỎ MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ DANH MỤC THU, MỨC THU, CHẾ ĐỘ THU, NỘP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG MỘT SỐ LOẠI PHÍ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUY ĐỊNH TẠI PHỤ LỤC 05 KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 09/2024/NQ-HĐND
(Kèm theo Tờ trình số/Ttr-STC ngày/...../2024 của Sở Tài chính)

TT	Danh mục đề xuất thay đổi, bổ sung	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Tỷ lệ điều tiết				Cơ quan thu
				Để lại đơn vị thu	Nộp ngân sách nhà nước			
					Tỉnh	Huyện, thành phố, TX	Xã, phường, thị trấn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Phí thẩm định hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất							
1	Phí thẩm định hồ sơ đăng ký, cấp GCN quyền sử dụng đất lần đầu							
1.1	Thuộc thẩm quyền cấp huyện							
	Đất hộ gia đình, cá nhân							
	Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	400.000			100%		UBND cấp huyện
	- Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	300.000			100%		
	Trường hợp nhiều thửa đất nông nghiệp lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung trong 1 GCN thì ngoài mức được tính ở trên, mỗi thửa đất tăng thêm được tính mức bằng 0,30 lần mức quy định					100%		

TT	Danh mục đề xuất thay đổi, bổ sung	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Tỷ lệ điều tiết				Cơ quan thu
				Để lại đơn vị thu	Nộp ngân sách nhà nước			
					Tỉnh	Huyện, thành phố, TX	Xã, phường, thị trấn	
1.2	Thuộc thẩm quyền cấp tỉnh							Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Hải Dương và Chi nhánh VPĐKĐĐ các huyện, TP, TX
a	Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện							
	+ Diện tích ≤ 0,5 ha	1 Hồ sơ	900.000	80%	20%			
	+ Diện tích trên 0,5ha đến 2ha	1 Hồ sơ	1.500.000					
	+ Diện tích trên 2ha	1 Hồ sơ	2.100.000					
b	- Khu vực còn lại							
	+ Diện tích ≤ 0,5 ha	1 Hồ sơ	800.000	80%	20%			
	+ Diện tích trên 0,5ha đến 2ha	1 Hồ sơ	1.400.000					
	+ Diện tích trên 2ha	1 Hồ sơ	2.000.000					
	Đối với trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chủ đầu tư thực hiện dự án phát triển nhà ở theo quy hoạch chi tiết xây dựng thì từ thửa thứ 2 tính bằng 60% thửa thứ 1	Hồ sơ/thửa đất						
4.2	Phí thẩm định hồ sơ đăng ký, cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất lần đầu							

TT	Danh mục đề xuất thay đổi, bổ sung	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Tỷ lệ điều tiết				Cơ quan thu
				Để lại đơn vị thu	Nộp ngân sách nhà nước			
					Tỉnh	Huyện, thành phố, TX	Xã, phường, thị trấn	
4.2.1	Thuộc thẩm quyền cấp huyện							
	Đất hộ gia đình, cá nhân							UBND cấp huyện
	Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	850.000			100%		
	- Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	700.000			100%		
4.2.2	Thuộc thẩm quyền cấp tỉnh							
a	Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện							Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Hải Dương và Chi nhánh VPĐKĐĐ các huyện, TP, TX
	+ Diện tích ≤ 0,5 ha	1 Hồ sơ	1.200.000	80%	20%			
	+ Diện tích trên 0,5ha đến 2ha	1 Hồ sơ	1.800.000					
	+ Diện tích trên 2ha	1 Hồ sơ	2.400.000					
b	- Khu vực còn lại							
	+ Diện tích ≤ 0,5 ha	1 Hồ sơ	1.100.000	80%	20%			
	+ Diện tích trên 0,5ha đến 2ha	1 Hồ sơ	1.700.000					
	+ Diện tích trên 2ha	1 Hồ sơ	2.300.000					
4.3	Phí thẩm định hồ sơ đăng ký biến động về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất							

TT	Danh mục đề xuất thay đổi, bổ sung	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Tỷ lệ điều tiết				Cơ quan thu
				Để lại đơn vị thu	Nộp ngân sách nhà nước			
					Tỉnh	Huyện, thành phố, TX	Xã, phường, thị trấn	
4.3.1	Phí thẩm định hồ sơ đăng ký biến động về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hoặc về tài sản gắn liền với đất được cấp GCN mới							
a	Đất hộ gia đình, cá nhân							Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Hải Dương và Chi nhánh VPĐKĐĐ các huyện, TP, TX
	Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	550.000	80%	20%			
	- Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	450.000					
b	Đất tổ chức							
	Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	1.600.000	80%	20%			
	- Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	1.500.000					
4.3.2	Phí thẩm định hồ sơ đăng ký biến động đồng thời về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được cấp GCN mới							
a	Đất hộ gia đình, cá nhân							Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Hải Dương và Chi nhánh VPĐKĐĐ các huyện, TP, TX
	Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	900.000	80%	20%			
	- Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	800.000					
b	Đất tổ chức							
	Phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện	1 Hồ sơ	2.000.000	80%	20%			
	- Khu vực còn lại	1 Hồ sơ	1.900.000					

TT	Danh mục đề xuất thay đổi, bổ sung	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Tỷ lệ điều tiết				Cơ quan thu
				Để lại đơn vị thu	Nộp ngân sách nhà nước			
					Tỉnh	Huyện, thành phố, TX	Xã, phường, thị trấn	
4.3.3	Phí thẩm định hồ sơ đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trong trường hợp xác nhận thay đổi vào GCN đã cấp	1 Hồ sơ	Bằng 80% mức thu quy định tại số thứ tự 4.3.1 và 4.3.2 nêu trên	80%	20%			Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Hải Dương và Chi nhánh VPĐKĐĐ các huyện, TP, TX